TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 05 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộc T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mộc T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/7/2002; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/4/2004 và Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 06/5/2012.

Chị Trần Thị Mộc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thanh D. Anh Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/02/2019. Người không trực tiếp nuôi con chung không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có.

2.4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình: Nguyên đơn chị Trần Thị Mộc T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0022216 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Hoàn trả cho chị Trần Thị Mộc T 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B (Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 09/9/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Long